**I. MỤC TIÊU – NỘI DUNG – HOẠT ĐỘNG CHỦ ĐỀ: NHỮNG CON VẬT BÉ YÊU**

| **TT** | **Mục tiêu chủ đề** | | **Nội dung chủ đề** | | **Hoạt động chủ đề** | | **Phạm vi thực hiện** | | **Địa điểm tổ chức** | **Gia đình gà, vịt (N1)** | **Anh em chó mèo (N2)** | **Tôm-cua-cá thi tài (N3)** | **Con vật sống trong rừng ( N4)** | **Ghi chú về sự điều chỉnh** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **(6/12- > 10/12 /2021)** | **(13 - > 17/12 /2021)** | **(20/12 -> 24/12 /2021)** | **(27/12- > 01/01 /2022)** |
|  | **I. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT** | | | | | | | | | | | | | |
| **A. Phát triển vận động** | | | | | | | | | | | | | |
| **1. Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp** | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: Hít thở, tay, lưng bụng và chân | | Tập kết hợp 4 động tác thể dục sáng | | - ĐT1: Hít vào thở ra - ĐT2: Hai tay dang ngang - ĐT3: Đứng cúi khom lưng - ĐT4: Ngồi xuống đứng lên  - TCVĐ:  + N1: Gà trong vườn rau;  + N2: Mèo và chim sẻ;  + N3: Cá bơi;  + N4: Cáo và thỏ | | Cả lớp | | Lớp học | TDS | TDS | TDS | TDS |  |
|  | **2. Thể hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu** | | | | | | | | | | | | | |
|  | **\* Vận động: tung, ném, bắt** | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Thực hiện phối hợp vận động tay, mắt: tung bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m | | Tung bóng bằng 2 tay | | Dạy trẻ kỹ năng VĐCB: Tung bóng bằng 2 tay.TCVĐ: Ếch ộp | | Cả lớp | | Lớp học |  |  | CTCCĐ |  |  |
|  | **\* Vận động: Bò, trườn** | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Phối hợp tay chân, cơ thể trong khi bò chui qua cổng | | Bò chui qua cổng | | Dạy trẻ kỹ năng VĐCB: Bò chui qua cổng. TCVĐ: Mèo và chim sẻ | | Cả lớp | | Lớp học |  | CTCCĐ |  |  |  |
| 4 | Trò chơi vận động và trò chơi dân gian | | Biết chơi các trò chơi vận động và các trò chơi dân gian, thông qua mỗi trò chơi vận động củng cố các kỹ năng vận động cho trẻ | | **\* Các trò chơi dân gian** | | | | | | | | | |
| Tổ chức cho trẻ chơi trò chơi: Dung dăng dung dẻ; | | Cả lớp | | Sân chơi | CTNT |  |  |  |  |
| Tổ chức cho trẻ chơi trò chơi: Chi chi chành chành; | | Cả lớp | | Sân chơi |  | CTNT |  |  |  |
| Tổ chức cho trẻ chơi trò chơi: Nu na nu nống; | | Cả lớp | | Sân chơi |  |  | CTNT |  |  |
| Tổ chức cho trẻ chơi trò chơi: Lộn cầu vồng; | | Cả lớp | | Sân chơi |  |  |  | CTNT |  |
| Tổ chức cho trẻ chơi trò chơi: Cắp hạt bỏ giỏ | | Cả lớp | | Lớp học | CTTYTBS | CTTYTBS | CTTYTBS | CTTYTBS |  |
| **\* Các trò chơi vận động** | | | | | | | | | |
| Tổ chức chơi trò chơi: Ếch ộp; | | Cả lớp | | Sân chơi |  |  | CTNT |  |  |
| Tổ chức chơi trò chơi: Thỏ nhảy | | Cả lớp | | Sân chơi |  |  |  | CTNT |  |
| Tổ chức cho trẻ chơi trò chơi: Gà trong vườn rau | | Cả lớp | | Sân chơi | CTNT |  |  |  |  |
| Tổ chức cho trẻ chơi trò chơi: Cá bơi | | Cả lớp | | Sân chơi |  |  | CTNT |  |  |
| Tổ chức cho trẻ chơi trò chơi: Bắt chước tạo dáng | | Cả lớp | | Sân chơi | CTNT |  |  |  |  |
| Tổ chức cho trẻ chơi trò chơi: Bắt bướm; | | Cả lớp | | Sân chơi |  | CTNT |  |  |  |
| Tổ chức cho trẻ chơi trò chơi: Mèo và chim sẻ | | Cả lớp | | Sân chơi |  | CTNT |  |  |  |
| Tổ chức cho trẻ chơi trò chơi: Cáo và Thỏ | | Cả lớp | | Sân chơi |  |  |  | CTNT |  |
|  | **3. Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay** | | | | | | | | | | | | | |
| 5 | Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện múa khéo | | Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện múa khéo | | Dạy trẻ chơi: Bé chơi với giấy (vo giấy làm quả trứng) | | Nhóm | | Lớp học | CTTYTBS |  |  | CTTYTBS |  |
| Dạy trẻ chơi: Bé chơi với chai nhựa (xoáy mở nắp chai gắn các con vật theo màu ) | | Nhóm | | Lớp học | CTTYTBS | CTTYTBS | CTTYTBS | CTTYTBS |  |
| 6 | Phối hợp được cử động bàn tay ngón tay và phối hợp tay mắt trong các hoạt động nhào đất nặn | | Thực hành rèn vận động của bàn tay, khớp ngón tay khi cho trẻ nhào đất nặn | | Bé chơi với đất nặn xoay tròn (Nặn thức ăn cho cá) | | Nhóm | | Lớp học |  | CTTYTBS |  |  |  |
| Bé chơi với đất nặn xoay tròn (Nặn thức ăn cho gà, vịt) | | Nhóm | | Lớp học | CTTYTBS |  |  |  |  |
| Bé chơi với đất nặn lăn dài( nặn con giun) | | Nhóm | | Lớp học | CTTYTBS |  |  |  |  |
| 7 | Phối hợp được cử động bàn tay ngón tay và phối hợp tay mắt trong các hoạt động vẽ tổ chim | | Vẽ tổ chim | | Quan sát, trò chuyện, phối hợp bàn tay, ngón tay để vẽ tổ chim | | Nhóm | | Lớp học |  |  |  | CTTYTBS |  |
| 8 | Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay mắt trong các hoạt động: Cài, cởi cúc, buộc dây | | Tập cài cởi cúc | | Quan sát, trò chuyện, chơi trò chơi cài, cởi cúc tạo thành bức tranh con vật | | Nhóm | | Lớp hoc | CTTYTBS | CTTYTBS | CTTYTBS | CTTYTBS |  |
| 9 | Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay mắt trong các hoạt động: Xâu vòng tay, vòng cổ | | Xâu vòng con vật | | Quan sát, trò chuyện, thực hành chơi trò chơi: Xâu vòng con vật gà, vịt, chó, mèo,... | | Nhóm | | Lớp học | CTTYTBS | CTTYTBS |  |  |  |
| Quan sát, trò chuyện, thực hành chơi trò chơi: Xâu vòng con vật tôm, cua, cá,… | | Nhóm | | Lớp học |  |  | CTTYTBS |  |  |
| **Đề tài: Xâu vòng con vật** | | Cả lớp | | Lớp học |  |  |  | CTCCĐ |  |
| 10 | Phối hợp cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay mắt trong hoạt động chắp ghép hình | | - Rèn vận động của bàn tay, chắp ghép các hình để tạo thành hình con vật vào bóng | | Quan sát, trò chuyện, chơi trò chơi chắp ghép hình vào bóng con vật sống trong gia đình | | Nhóm | | Lớp học | CTTYTBS | CTTYTBS |  |  |  |
| Quan sát, trò chuyện, chơi trò chơi chắp ghép hình vào bóng con vật sống dưới nước | | Nhóm | | Lớp học |  |  | CTTYTBS |  |  |
| Quan sát, trò chuyện, chơi trò chơi chắp ghép hình vào bóng con vật sống trong rừng | | Nhóm | | Lớp học |  |  |  | CTTYTBS |  |
| 11 | Phối hợp cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay mắt trong hoạt động, xếp cạnh, xếp chồng 6-8 khối không đổ | | Xếp chồng , xếp cạnh ao thả cá (6-8 khối) | | Quan sát, trò chuyện, thực hành xếp ao thả cá | | Nhóm | | Lớp học |  |  | CTTYTBS |  |  |
| Xếp chồng , xếp cạnh vườn bách thú (6-8 khối) | | Quan sát, trò chuyện, thực hành xếp vườn bách thú | | Nhóm | | Lớp học |  |  |  | CTTYTBS |  |
| Xếp chồng , xếp cạnh chuồng nuôi con vật (6-8 khối) | | Quan sát, trò chuyện, thực hành xếp chuồng nuôi con vật (chó, mèo) | | Nhóm | | Lớp học |  | CTTYTBS |  |  |  |
| Xếp cạnh chuồng nuôi con vật (6-8 khối) | | **Đề tài: Xếp chuồng nuôi con vật** ( Xếp cạnh 6- 8 khối) | | Cả lớp | | Lớp học | CTCCĐ |  |  |  |  |
| 12 | Phối hợp cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay mắt trong hoạt động lật mở trang sách | | Rèn cử động của bàn tay lật mở trang sách | | Quan sát, trò chuyện, chơi trò chơi lật mở trang sách về các con vật sống trong gia đình (gà, vịt) | | Nhóm | | Lớp học | ĐTT |  |  |  |  |
| Quan sát, trò chuyện, chơi trò chơi lật mở trang sách về các con vật sống trong gia đình (chó, mèo) | | Nhóm | | Lớp học |  | ĐTT |  |  |  |
| Quan sát, trò chuyện, chơi trò chơi lật mở trang sách về các con vật sống dưới nước(tôm, cua, cá…) | | Nhóm | | Lớp học |  |  | ĐTT |  |  |
| Quan sát, trò chuyện, chơi trò chơi lật mở trang sách về các con vật trong rừng( voi, thỏ, khỉ…) | | Nhóm | | Lớp học |  |  |  | ĐTT |  |
|  | **B. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe** | | | | | | | | | | | | | |
|  | **1. Có một số nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt** | | | | | | | | | | | | | |
| 13 | Thích nghi với chế độ ăn cơm, có thể ăn được các loại thức ăn khác nhau | | Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau | | Trẻ có thói quen trong khi ăn không làm rơi vãi thức ăn và ăn hết suất | | Cả lớp | | Lớp học | VS-AN |  |  |  |  |
| 14 | Ngủ đủ 1 giấc buổi trưa | | Rèn thói quen nền nếp ngủ đúng giờ 1 giấc trưa | | Luyện thói quen ngủ đúng giờ sâu giấc | | Cả lớp | | Lớp học |  |  | VS-AN |  |  |
| 15 | Biết đi vệ sinh đúng nơi qui định | | + Đi vệ sinh đúng nơi qui định | | Rèn luyện thói quen biết tự đi vệ sinh khi có nhu cầu | | Cả lớp | | Lớp hoc |  | VS-AN |  |  |  |
| 16 | Có một số thói quen tốt trong sinh hoạt, ăn chín, uống chín, rửa tay trước khi ăn, lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn | | + Trẻ biết rửa tay trước khi ăn | | Phối hợp với phụ huynh, giáo viên dạy trẻ rửa tay trước khi ăn | | Cả lớp | | Lớp hoc |  |  |  | VS-AN |  |
|  | **2. Thực hiện một số việc tự phúc vụ, giữ gìn sức khỏe** | | | | | | | | | | | | | |
| 17 | Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh…..) | | Biết lấy nước uống với sự giúp đỡ của người lớn | | Dạy trẻ biết lấy nước uống với sự giúp đỡ của người lớn | | Cả lớp | | Lớp học |  | VS-AN | VS-AN |  |  |
| 18 | Trẻ biết bê ghế bằng 2 tay, lấy xếp ghế đúng nơi qui định | | Biết bê ghế bằng 2 tay, lấy xếp ghế đúng nơi qui định | | Biết bê ghế bằng 2 tay, lấy xếp ghế đúng nơi quy định | | Cả lớp | | Lớp học | VS-AN |  |  | VS-AN |  |
|  | **II. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC** | | | | | | | | | | | | | |
|  | **1. Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan** | | | | | | | | | | | | | |
| 19 | Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng | | Quan sát, sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng | | Quan sát, trò chuyện, sờ nắn, nhìn, nghe, để nhận biết tên gọi, đặc điểm nổi bật của một số con vật như: gà, vịt… | | Cả lớp | | Sân chơi | CTNT |  |  |  |  |
| Quan sát, trò chuyện, sờ nắn, nhìn, nghe, để nhận biết tên gọi, đặc điểm nổi bật của một số con vật như: Chó, mèo | | Cả lớp | | Sân chơi |  | CTNT |  |  |  |
| 20 | Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng | | Quan sát, sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng | | Quan sát, trò chuyện, sờ nắn, nhìn, nghe, để nhận biết tên gọi, đặc điểm nổi bật của một số con vật như: tôm, cua, cá,... | | Cả lớp | | Sân chơi |  |  | CTNT |  |  |
|  | **\* Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật hiện tượng gần gũi** | | | | | | | | | | | | | |
| 21 | Có khả năng tìm đồ vật vừa mới cất giấu | | Tìm đồ vật vừa mới cất giấu | | Trò chơi con gì biến mất | | Cả lớp | | Lớp học |  |  | CTTYTBC |  |  |
| 22 | Có khả năng nghe và nhận biết âm thanh của một tiếng kêu của một số con vật quen thuộc | | Nghe và nhận biết âm thanh tiếng kêu của một số con vật quen thuộc | | Nghe tiếng kêu của một số con vật như gà, chó, mèo, lợn… | | Cả lớp | | Lớp học | ĐTT | ĐTT |  |  |  |
|  | **2. Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi** | | | | | | | | | | | | | |
| 23 | Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của con vật quen thuộc | | Rèn kỹ năng cho trẻ khi chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của con vật | | Chơi các trò chơi mô phỏng tiếng kêu của con vật ( gà, vịt, chó, mèo,…) | | Nhóm | | Lớp học | CTTYTBC |  |  |  |  |
|  | **\*Nhận biết một số con vật quen thuộc** | | | | | |  | |  |  |  |  |  |  |
| 24 | Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của, con vật quen thuộc | | Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của, con vật quen thuộc | | Quan sát, nhận biết tên gọi, đặc điểm nổi bật con chó, con mèo | | Nhóm | | Lớp học |  | CTTYTBC |  |  |  |
| Đề tài: **NBPB “ Con gà trống, con vịt”** | | Cả lớp | | Lớp học | CTCCĐ |  |  |  |  |
| Đề tài: **NBPB “Con cá, con cua”** | | Cả lớp | | Lớp học |  |  | CTCCĐ |  |  |
| Quan sát, nhận biết tên gọi, đặc điểm nổi bật con thỏ, con voi | | Nhóm | | Lớp học |  |  |  | CTTYTBC |  |
|  | **\*Nhận biết một số màu cơ bản, kích thước, hình dạng, số lượng** | | | | | | | | | | | | | |
| 25 | Trẻ nhận biết phân biệt được hình tròn, hình vuông, biết sử dụng hình trong một số trò chơi. | | Trẻ nhận biết phân biệt được hình tròn, hình vuông, biết sử dụng hình trong một số trò chơi. | | Đề tài: **Nhận biết phân biệt hình vuông** | | Cả lớp | | Lớp học |  |  |  | CTCCĐ |  |
| 26 | Chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/theo yêu cầu | | Kích thước to - nhỏ | | Quan sát, nhận biết, phân biệt con vật to - nhỏ | | Nhóm | | Lớp học | CTTYTBC | CTTYTBS | CTTYTBS | CTTYTBS |  |
| 27 | Trẻ nhận biết phân biệt, chọn được ,biết chỉ , nói đúng số lượng một - nhiều của nhóm đối tượng | | Số lương 1 - nhiều | | Đề tài: NBPB “1- nhiều” | | Cả lớp | | Lớp học |  | CTCCĐ | CTTYTBS | CTTYTBS |  |
|  | **III. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ** | | | | | | | | | | | | | |
|  | **A. Nghe hiểu lời nói** | | | | | | | | | | | | | |
| 28 | Nghe và hiểu được lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau | | Lắng nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau | | Biết nghe hiểu lời nói thể hiện với sắc thái tình cảm khác nhau khi học chủ đề các con vật bé yêu | | Cả lớp | | Lớp hoc | KH |  | KH | KH |  |
|  | **B.Nghe và nhắc lại các âm và các tiếng, các câu** | | | | | | | | | | | | | |
| 29 | Nghe hiểu được các nội dung truyện ngắn đơn giản, trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật | | Kể chuyện cho trẻ nghe, trò chuyện để hiểu nội dung câu chuyện | | Kể chuyện cho trẻ nghe: Các bạn của mèo con | | Cả lớp | | Lớp học |  | CTCCĐ |  |  |  |
| 30 | Kể lại được đoạn truyện được nghe nhiều lần với sự gợi ý của người lớn bằng các câu đơn, câu có 5-7 tiếng có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc | | Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần có gợi ý | | Kể lại đoạn truyện, kết hợp tranh, ảnh minh họa có sự gợi ý của cô như: truyện: Các bạn của mèo con | | Cá nhân | | Lớp học |  | CTTYTBS |  |  |  |
| Kể lại đoạn truyện, két hợp tranh, ảnh minh họa có sự gợi ý của cô như: truyện Thỏ con không vâng lời | | Cá nhân | | Lớp học |  |  |  | CTTYTBS |  |
|  | **\* Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp** | | | | | |  | |  |  |  |  |  |  |
| 31 | Trẻ nghe, nói hiểu được các từ chỉ con vật: con chó, con mèo, con cua, con cá , đặc điểm, hoạt động của các con vật quen thuộc trong giao tiếp. | | Nghe các từ chỉ tên gọi, đặc điểm, hành động của con vật : con gà, con mèo, con cá, con thỏ,… | | Quan sát, nhận biết, tập nói tên gọi đặc điểm nổi bật của con mèo | | Cả lớp | | Lớp học |  | CTTYTBC |  |  |  |
| Đề tài: **NBTN “ Con gà trống”** | | Cả lớp | | Lớp học | CTCCĐ |  |  |  |  |
| Đề tài: **NBTN “Con cá”** | | Cả lớp | | Lớp học |  |  | CTCCĐ |  |  |
| Quan sát, nhận biết, tập nói tên gọi đặc điểm nổi bật của con chó | | Cả lớp | | Lớp học |  | ĐTT |  |  |  |
| Quan sát, nhận biết, tập nói tên gọi đặc điểm nổi bật của con cua | | Cả lớp | | Lớp học |  |  | CTTYTBC |  |  |
| Quan sát, nhận biết, tập nói tên gọi đặc điểm nổi bật của con voi | | Cả lớp | | Lớp học |  |  |  | ĐTT |  |
| Quan sát, nhận biết, tập nói tên gọi đặc điểm nổi bật của con thỏ | | Cả lớp | | Lớp học |  |  |  | CTTYTBC |  |
| 32 | Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, truyện ngắn trong chủ đề | | Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, truyện ngắn trong chủ đề | | Nghe đọc truyện: Anh em nhà thỏ | | Cả lớp | | Lớp học |  |  |  | CTTYTBC |  |
| Nghe đọc truyện: Cá và chim | | Cả lớp | | Lớp học |  |  | CTTYTBC |  |  |
| Nghe đọc đồng dao: Con mèo mà trèo cây cau | | Cả lớp | | Lớp học |  | CTTYTBC |  |  |  |
| Nghe đọc bài thơ: Gà gáy | | Cả lớp | | Lớp học | CTTYTBC |  |  |  |  |
| Nghe đọc bài thơ: Con cua | | Cả lớp | | Lớp học |  |  | CTTYTBC |  |  |
| Nghe đọc bài thơ: Mèo vào tro bếp | | Cả lớp | | Lớp học |  | CTTYTBC |  |  |  |
| 33 | Đọc các đoạn thơ, bài thơ, ca dao, đồng dao, phù hợp độ tuổi , đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng | | Đọc các đoạn thơ, bài thơ, ca dao, đồng dao, phù hợp độ tuổi , đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng . | | Đề tài**: Dạy trẻ bài thơ: Con voi** | | Cả lớp | | Lớp học |  |  |  | CTCCĐ |  |
| Đề tài: **Dạy trẻ bài thơ: Con cá vàng** | | Cả lớp | | Lớp học |  |  | CTCCĐ |  |  |
| 34 | Chỉ và gọi tên được các nhân vật, sự vật, hiện tượng gần gũi qua tranh/ảnh | | Xem tranh và gọi tên được các nhân vật, sự vật, hiện tượng gần gũi qua tranh/ảnh | | Biết lật giở tranh truyện, hình ảnh, xem tranh và nói được tên các nhân vật trong tranh, như các con vật | | Cá nhân | | Lớp học | CTTYTBS |  | CTTYTBS | CTTYTBS |  |
|  | **IV. GIÁO DỤC TÌNH CẢM - KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ** | | | | | | | | | | | | | |
|  | **1. Phát triển tình cảm** | | | | | | | | | | | | | |
|  | **\*Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc** | | | | | | | | | | | | | |
| 35 | Chơi các trò chơi giả bộ, sắm vai | | Chơi các trò chơi giả bộ, sắm vai | | Chơi trò chơi: Nấu bột cho búp bê; Bán các con giống, thức ăn con vật … | | Nhóm | | Lớp học | CTTYTBS | CTTYTBS | CTTYTBS | CTTYTBS |  |
| 36 | Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc, gần gũi, bắt chước tiếng kêu. | | Quan tâm đến các vật nuôi | | Quan sát, trò chuyện, xem hình ảnh những con vật bé thích | | Cả lớp | | Lớp học | ĐTT | CTTYTBC |  | CTTYTBC |  |
|  | **2. Phát triển kỹ năng xã hội** | | | | | | | | | | | | | |
|  | **\* Mối quan hệ tích cực với con người và sự vật gần gũi** | | | | | | | | | | | | | |
| 37 | Biểu lộ sự thân thiện, quan tâm với một số con vật quen thuộc, gần gũi, bắt chước tiếng kêu, gọi. | | Quan tâm đến các vật nuôi | | Quan sát, trò chuyện, chơi trò chơi, yêu quý, quan tâm đến con cá vàng, con cua... | | Cả lớp | | Lớp học |  |  | ĐTT |  |  |
| Quan sát, trò chuyện, chơi trò chơi, yêu quý, quan tâm đến con gà, con vịt | | Cả lớp | | Lớp học | CTTYTBC |  |  |  |  |
| Đề tài: **Bé yêu chú mèo**  Quan sát, trò chuyện, chơi trò chơi, yêu quý, quan tâm đến con mèo | | Cả lớp | | Lớp học |  | CTCCĐ |  |  |  |
|  | **3. Phát triển cảm xúc thẩm mỹ** | | | | | | | | | | | | | |
| 38 | Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau | | Trẻ nghe các bản nhạc, bài hát với các giai điệu khác nhau | | Chú mèo con | | Cả lớp | | Lớp học |  | ĐTT |  |  |  |
| Gà gáy le te | | Cả lớp | | Lớp học | ĐTT |  |  |  |  |
| Cá vàng bơi | | Cả lớp | | Lớp học |  |  | ĐTT |  |  |
| Chú voi con ở Bản Đôn | | Cả lớp | | Lớp học |  |  |  | ĐTT |  |
| Tôm cua cá thi tài | | Cả lớp | | Lớp học |  |  | CTTYTBC |  |  |
| 39 | Trò chơi âm nhạc | | Trẻ chơi các trò chơi âm nhạc khác nhau | | TCAN: N1: gà gáy, vịt kêu; N2: Tiếng kêu của con gì?; N4: Ai đoán đúng | | Cả lớp | | Lớp học | KH | KH |  | KH |  |
| 40 | - Biết hát và vận động đơn giản, theo một vài bài hát, bản nhạc quen thuộc | | Dạy hát | | Đề tài: **Dạy KNCH: Là con mèo.**  - TCÂN: Tiếng kêu con gì?  - NH: Chú mèo con | | Cả lớp | | Lớp học |  | CTCCĐ |  |  |  |
| Đề tài: **Dạy KNCH: Voi làm xiếc.**  - TCÂN: Ai đoán đúng.  - NH: Chú voi con ở Bản Đôn | | Cả lớp | | Lớp học |  |  |  | CTCCĐ |  |
| Đề tài: **Dạy KNCH:**  **Con gà trống.**  - TCÂN: Gà gáy, vịt kêu. - NH: Gà gáy le te | | Cả lớp | | Lớp học | CTCCĐ |  |  |  |  |
| 41 | Thích tô màu, vẽ, nặn, xé xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoặc) | | Di màu | | Đề tài: **Dạy trẻ di màu con thỏ (M)** | | Cả lớp | | Lớp học |  |  |  | CTCCĐ |  |
| Đề tài: **Dạy trẻ di màu con cá (M)** | | Cả lớp | | Lớp học |  |  | CTCCĐ |  |  |
| Dạy trẻ di màu con gà con | | Nhóm | | Lớp học | CTTYTBC |  |  |  |  |
| Nặn | | Đề tà: Dạy trẻ: Nặn con giun (M) | | Cả lớp | | Lớp học | CTCCĐ |  |  |  |  |
| **Cộng số nội dung hoạt động phân bổ vào nhánh chủ đề** | | **Chia theo**  **Lĩnh vực** | | **Tổng số** | | | | **94** | | **33** | **32** | **31** | **32** |
| **Lĩnh vực thể chất** | | | | **43** | | 16 | 15 | 14 | 15 |
| **Lĩnh vực nhận thức** | | | | **13** | | 5 | 5 | 5 | 4 |
| **Lĩnh vực ngôn ngữ** | | | | **20** | | 4 | 6 | 7 | 7 |
| **Lĩnh vực tình cảm kỹ năng xã hội và thẩm mỹ** | | | | **18** | | 8 | 6 | 5 | 6 |
| **Chia theo**  **hoạt động trong chế độ sinh hoạt** | |  | | | | | | | | | |
| **Đón - trả trẻ** | | | |  | | 4 | 4 | 3 | 3 |
| **Thể dục sáng** | | | |  | | 1 | 1 | 1 | 1 |
| **Chơi - tập theo ý thích (buổi sáng)** | | | |  | | 10 | 10 | 10 | 12 |
| **Chơi - tập ngoài trời** | | | |  | | 4 | 4 | 4 | 3 |
| **Chơi – tập theo ý thích (buổi chiều)** | | | |  | | 5 | 5 | 5 | 4 |
| **Vệ sinh – ăn ngủ** | | | |  | | 2 | 2 | 2 | 2 |
| **Kết hợp** | | | |  | | 2 | 1 | 1 | 2 |
| **Tham quan dã ngoại** | | | |  | | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Lễ hội** | | | |  | | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Chơi – tập có chủ định (buổi sáng)** | | | |  | | **5** | **5** | **5** | **5** |
| ***Chia cụ thể*** | | ***Giờ thể chất*** | |  | | 1 | 1 | 1 | 1 |
| ***Giờ nhận thức*** | |  | | 1 | 1 | 1 | 1 |
| ***Giờ ngôn ngữ*** | |  | | 1 | 1 | 2 | 1 |
| ***Giờ TCKNXH&TM*** | |  | | 2 | 2 | 1 | 2 |

**II. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH CÁC CHỦ ĐỀ NHÁNH:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên chủ đề nhánh** | **Số tuần thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Người phụ trách** | **Ghi chú về sự điều chỉnh (nếu có)** |
| Nhánh 1: Gia đình gà, vịt | 1 | Từ 6/12 đến 10/12/2021 | Nguyễn Thị A |  |
| Nhánh 2: Anh em Chó, mèo | 1 | Từ 13/12 đến 17/12/2021 | Nguyễn Thị B |  |
| Nhánh 3: Tôm- cua- cá thi tài | 1 | Từ 20/12 đến 24/12/2021 | Nguyễn Thị A |  |
| Nhánh 4: Con vật sống trong rừng | 1 | Từ 27/12 đến 1/1/2022 | Nguyễn Thị B |  |

**III. CHUẨN BỊ:**

| **Nhánh**  **Chuẩn bị** | **Nhánh 1: Gia đình gà, vịt** | **Nhánh 2: Anh em Chó, mèo** | **Nhánh 3: Tôm- cua- cá thi tài** | **Nhánh 4: Con vật sống trong rừng** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giáo viên** | - Chuẩn bị và trang trí tạo môi trường theo chủ đề nhánh: Gia đình gà, vịt  - Lên kế hoạch theo chủ đề, lựa chọn nội dung giáo dục phù hợp, soạn bài, nghiên cứu tài liệu về chủ đề  - Chuẩn bị đồ dùng, học liệu chuẩn bị cho chủ đề  - Tranh ảnh giới thiệu về chủ đề  - Lựa chọn một số bài thơ, câu chuyện, bài hát, trò chơi về chủ đề. | - Chuẩn bị và trang trí tạo môi trường theo chủ đề nhánh:Anh em Chó, mèo  - Lên kế hoạch theo chủ điểm, lựa chọn nội dung giáo dục phù hợp, soạn bài, nghiên cứu tài liệu về chủ đề  - Chuẩn bị đồ dùng, học liệu chuẩn bị cho chủ đề  - Tranh ảnh giới thiệu về chủ đề:  - Lựa chọn một số bài thơ, câu chuyện, bài hát, trò chơi về chủ đề | - Chuẩn bị và trang trí tạo môi trường theo chủ đề nhánh:Tôm- cua- cá thi tài  - Lên kế hoạch theo chủ điểm, lựa chọn nội dung giáo dục phù hợp, soạn bài, nghiên cứu tài liệu về chủ đề  - Chuẩn bị đồ dùng, học liệu chuẩn bị cho chủ đề  - Tranh ảnh giới thiệu về chủ đề  - Lựa chọn một số bài thơ, câu chuyện, bài hát, trò chơi về chủ đề | - Chuẩn bị và trang trí tạo môi trường theo chủ đề nhánh :Những con vật sống trong rừng  - Lên kế hoạch theo chủ điểm, lựa chọn nội dung giáo dục phù hợp, soạn bài, nghiên cứu tài liệu về chủ đề  - Chuẩn bị đồ dùng, học liệu chuẩn bị cho chủ đề  - Tranh ảnh giới thiệu về chủ đề  - Lựa chọn một số bài thơ, câu chuyện, bài hát, trò chơi về chủ đề |
| **Nhà trường** | - Trang thiết bị ngoài trời phong phú để kích thích các hoạt động khác nhau của trẻ.  - Nhiều băng đĩa có nội dung phù hợp với chủ đề.  - Tạo môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn cho trẻ. | | | |
| **Phụ huynh** | - Cùng cô giúp trẻ khám phá chủ đề.  - Cho con đi học đầy đủ  - Trò chuyện với trẻ về những con vật gần gũi với trẻ, cho trẻ đi tham quan vườn bách thú, cùng chăm sóc con vật nuôi khi có điều kiện.  - Sưu tầm các nguyên vật liệu: bìa lịch, giấy báo, vỏ hộp....  - Sưu tầm sách báo, tranh ảnh về chủ đề  - Kết hợp cùng cô giáo, khích lệ động viên trẻ. | | | |

**IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHỦ ĐỀ**

| **TT** | **Hoạt động** | | **Phân phối vào các ngày trong tuần** | | | | | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ 2** | **Thứ 3** | **Thứ 4** | **Thứ 5** | **Thứ 6** |
| 1 | **Đón trẻ** | | **-** Đón trẻ, trò chuyện nhắc nhở trẻ thói quen chào hỏi cô giáo, các bạn và người thân.  - Dạy trẻ thói quen cất đồ dùng cá nhân đúng nơi quy định.  - Xem tranh ảnh về một số con vật:con gà, con vịt, tôm, cua, cá; một số con vật sống trong rừng  - Cho trẻ chơi đồ chơi trẻ yêu thích  - Chơi trò chơi: Bắt chước tiếng kêu con vật  - Quan sát, nhận biết: Con Chó (N2), Con Voi (N4)  - Quan sát, trò chuyện, chơi trò chơi lật mở trang sách về các con vật như: Gà, vịt, chó, mèo, tôm, cua, cá, voi…  - Nghe hát: N1 - Gà gáy le te; N2 - Chú mèo con; N3 - Cá vàng bơi; N4 - Chú voi con ở Bản Đôn | | | | |  |
| 2 | **Thể dục sáng** | | **1. Chuẩn bị:**  **-** Nhạc bài hát: chicken dance; Rửa mặt như mèo, Cá vàng bơi; Trời nắng, trời mưa  **2. Tiến hành**  **\* Khởi động**:  - Cho trẻ làm đi các kiểu đi: đi bình thường, đi kiễng chân, đi bằng gót chân, cúi khom lưng, đi nhanh, đi chậm, nhấc cao chân…(với nhạc các bài hát: N 1- chicken dance; N2 - Rửa mặt như mèo, N3- Cá vàng bơi; N4- Trời nắng, trời mưa)  \* **Trọng động**:  - BTPTC: Tập với các bài tập như: N1 - Chú gà trống; N2 - Mèo con; N3 - Con cá vàng; N4 - Con Thỏ  + ĐT1: Hít vào, thở ra  + ĐT2: Hai tay dang ngang  + ĐT3: Đứng cúi khom lưng  + ĐT4: Ngồi xuống- đứng lên  - TCVĐ: Gà trong vườn rau (N1); Mèo và chim sẻ (N2); Cá bơi (N3); Cáo và Thỏ (N4)  + Cô phổ biến cách chơi  + Trẻ chơi cùng cô 3-4 lần  \* **Hồi tĩnh**: Trẻ đi lại nhẹ nhàng quanh sân | | | | |  |
| 3 | **Chơi - tập có chủ định** | **Tuần1** | *Ngày 6/12/2021*  **PTTCKNXH&TM**  KNCH: "Con gà trống"  + TCAN: Gà gáy - vịt kêu  + NH: Gà gáy le te | *Ngày 7/12/2021*  **PTNN**  NBTN: "Con gà trống" | *Ngày 8/12/2021*  **PTTC**  Bé xếp chuồng nuôi con vật | *Ngày 9/12/2021*  **PTTCKNXH&TM**  Nặn con giun | *Ngày 10/12/2021*  **PTNT**  NBPB: Con gà trống - con vịt |  |
| **Tuần 2** | *Ngày 13/12/2021*  **PTTC**  VĐCB: "Bò chui qua cổng"  + TCVĐ: Mèo và chim sẻ | *Ngày 14/12/2021*  **PTTCKNXH&TM**  "Bé yêu chú mèo" | *Ngày 15/12/2021*  **PTNN**  Truyện “ Các bạn của mèo con” | *Ngày 16/12/2021*  **PTNT**  NBPB: Một - nhiều | *Ngày 17/12/2021*  **PTTCKNXH&TM**  KNCH: "Là con mèo"  +TCAN: Tiếng kêu con gì  +NH: Chú mèo con |  |
| **Tuần 3** | *Ngày 20/12/2021*  **PTTC**  VĐCB: Tung bóng bằng 2 tay  + TCVĐ: Ếch ộp | *Ngày 21/12/2021*  **PTNN**  NBTN: "Con cá" | *Ngày 22/12/2021*  **PTNT**  NBPB: Con cá - con cua | *Ngày 23/12/2021*  **PTNN**  Thơ: “Con cá vàng” | *Ngày 24/12021*  **PTTCKNXH&TM**  Di màu con cá  (M) |  |
| **Tuần 4** | *Ngày 27/12/2021*  **PTTC**  Xâu vòng con vật | *Ngày 28/12/2021*  **PTTCKNXH&TM**  Di màu con Thỏ (M) | *Ngày 29/12/2021*  **PTNN**  Thơ: “Con voi” | *Ngày 30/12/2021*  **PTTCKNXH&TM**  KNCH: Voi làm xiếc  + TCÂN: Ai đoán đúng  + NH: Chú voi con ở Bản Đôn | *Ngày 1/1/2022*  **PTNT**  NBPB: Hình vuông |  |
| 4 | **Chơi tập ngoài trời** | **Tuần 1** | *Ngày 6/12/2021*  - Quan sát: Con gà mái  - TCVĐ: Gà trong vườn rau  - Chơi tự do. | *Ngày 7/12/2021*  - Quan sát: Con vịt  - TCDG: Dung dăng dug dẻ  - Chơi tự do. | *Ngày 8/12/2021*  - Quan sát: con gà trống  - TCVĐ: Gà trong vườn rau  - Chơi tự do. | *Ngày 9/12/2021*  - Quan sát: Thời tiết(mưa, nắng)  - TCDG: Dung dăng dug dẻ  - Chơi tự do. | *Ngày 10/122021*  - Quan sát: Con gà con  - TCVĐ: Bắt chước tạo dáng  - Chơi tự do. |  |
| **Tuần 2** | *Ngày 13/12/2021*  - Quan sát: Con mèo  - TCDG: Chi chi chành chành  - Chơi tự do. | *Ngày 14/12/2021*  - Quan sát: Con chó  - TCVĐ: Mèo và chim sẻ  - Chơi tự do. | *Ngày 15/12/2021*  - Quan sát: Đu quay  - TCVĐ: Bắt bướm  - Chơi tự do | *Ngày 16/12/2021*  - Quan sát: Tranh con lợn  - TCDG: Chi chi chành chành  - Chơi tự do. | *Ngày 17/12/2021*  - Quan sát: Nhà bóng  - TCVĐ: Mèo và chim sẻ  - Chơi tự do. |  |
| **Tuần 3** | *Ngày 20/12/2021*  - Quan sát: Con cua  - TCVĐ: Ếch ộp  - Chơi tự do. | *Ngày 21/12/2021*  - Quan sát: Bể cá  - TCVĐ: Cá bơi - Chơi tự do. | *Ngày 22/12/2021*  - Quan sát: Cây khế  - TCDG: Nu na nu nống  - Chơi tự do | *Ngày 23/12/2021*  - Quan sát: Con cá heo ( trong vườn cổ tích nhà trường)  - TCVĐ: Ếch ộp  - Chơi tự do | *Ngày 24/12/2021*  - Quan sát: Con tôm  - TCDG: Nu na nu nống  - Chơi tự do |  |
| **Tuần 4** | *Ngày 27/12/2021*  - Quan sát: Con khỉ ( vườn cổ tích)  - TCDG: Lộn cầu vồng  - Chơi tự do. | *Ngày 28/12/2021*  - Quan sát: con voi ( vườn cổ tích)  - TCVĐ: Cáo và Thỏ  - Chơi tự do. | *Ngày 29/12/2021*  - Quan sát: Con hươu cao cổ ( vườn cổ tích)  - TCVĐ: Thỏ nhảy  - Chơi tự do. | *Ngày 30/12/2021*  - Quan sát: - Quan sát: Cây mít  Con hươu cao cổ ( vườn cổ tích)  - TCDG: Lộn cầu vồng  - Chơi tự do. | *Ngày 1/1/2022*  - Quan sát: Con Thỏ  - TCVĐ: Thỏ nhảy  - Chơi tự do. |  |
| 5 | **Vệ sinh, ăn, ngủ** | | **-** Cô cho trẻ đi vệ sinh. Rèn luyện thói quen biết tự đi vệ sinh khi có nhu cầu, đi vệ sinh đúng nơi qui định  **-** Cô rửa mặt rửa tay cho trẻ sạch sẽ.  **-** Cô chia cơm canh cho trẻ. Cô giới thiệu món ăn cho trẻ biết.  - Trẻ mời cô, mời các bạn ăn cơm  **-** Cho trẻ ăn: Cô động viên trẻ ăn hết suất, không làm rơi vãi  **-** Trẻ lấy ghế về bàn ngồi, ăn xong tự cất ghế  **-** Rèn cho trẻ biết lấy gối, xếp gối, về chỗ ngủ  **-** Luyện thói quen ngủ đúng giờ, sâu giấc  *\* Dự kiến tình huống:* 1 trẻ bị F0 ( đã âm tính) đi học trở lại -> trẻ ăn ít, buổi trưa khó ngủ, ngủ không sâu giấc  *\* Xử lí tình huống:* Cô chú ý quan tâm đến trẻ đó nhiều hơn, cô xúc cơm cho trẻ ăn, động viên trẻ ăn hết suất; trẻ không ăn được hết suất thì cô không ép trẻ, nếu trẻ ăn ít, trẻ đói, cô phối hợp với phụ huynh bổ sung thêm sữa cho trẻ. Trưa trẻ khó ngủ, cô cho trẻ nằm riêng cùng với cô không để ảnh hưởng các bạn đã ngủ rồi, cô vỗ về, ru cho trẻ ngủ. | | | | |  |
| 6 | **Chơi tập theo ý thích buổi chiều** | **Tuần 1** | *Ngày 6/12/2021*  - Quan sát, trò chuyện về một số con vật: con gà, con vịt  - Nêu gương cuối ngày.  - Vệ sinh. Trả trẻ. | *Ngày 7/12/2021*  - Đọc thơ: Gà gáy  - Nêu gương cuối ngày.  - Vệ sinh. Trả trẻ. | *Ngày 8/12/2021*  - Quan sát, trò chuyện, chơi với con vật to - nhỏ  - Nêu gương cuối ngày.  - Vệ sinh. Trả trẻ. | *Ngày 9/12/2021*  - Trò chơi mô phỏng tiếng kêu con vật  - Nêu gương cuối ngày.  - Vệ sinh. Trả trẻ. | *Ngày 10/12/2021*  - Tổng kết chủ đề. Cho trẻ xem, trò chuyện về các sản phẩm của chủ đề  - Nêu gương cuối tuần  - Vệ sinh. Trả trẻ. |  |
| **Tuần 2** | *Ngày 13/12/2021*  - Quan sát, trò chuyện, xem hình ảnh những con vật bé thích  - Nêu gương cuối ngày .  - Vệ sinh. Trả trẻ. | *Ngày 14/12/2021*  - Đọc thơ: Mèo và tro bếp  - Nêu gương cuối ngày.  - Vệ sinh. Trả trẻ. | *Ngày 15/12/2021*  - Quan sát, trò chuyện về con mèo  - Nêu gương cuối ngày .  - Vệ sinh. Trả trẻ. | *Ngày 16/12/2021*  - Quan sát, nhận biết con chó, con mèo  - Nêu gương cuối ngày.  - Vệ sinh. Trả trẻ. | *Ngày 17/12/2021*  - Đọc đồng dao: Con mèo mà trèo cây cau.  - Tổng kết chủ đề. Cho trẻ xem, trò chuyện về các sản phẩm của chủ đề  - Nêu gương cuối tuần  - Vệ sinh. Trả trẻ. |  |
| **Tuần 3** | *Ngày 20/12/2021*  - Quan sát, trò chuyện về con cua  - Nêu gương cuối ngày  - Vệ sinh. Trả trẻ. | *Ngày 21/12/2021*  - Kể chuyện cho trẻ nghe: Cá và chim  - Nêu gương cuối ngày .  - Vệ sinh. Trả trẻ. | *Ngày 22/12/2021*  -Đọc thơ: Con cua  - Nêu gương cuối ngày .  - Vệ sinh. Trả trẻ. | *Ngày 23/12/2021*  - Chơi trò chơi: Con gì biến mất  - Nêu gương cuối ngày.  - Vệ sinh. Trả trẻ. | *Ngày 24/12/2021*  - Nghe hát: Tôm, cua, cá thi tài  - Tổng kết chủ đề. Cho trẻ xem, trò chuyện về các sản phẩm của chủ đề  - Vệ sinh, Trả trẻ. |  |
| **Tuần 4** | *Ngày 27/12/2021*  - Quan sát, trò chuyện về con Thỏ  - Nêu gương cuối ngày .  - Vệ sinh. Trả trẻ. | *Ngày 28/12/2021*  - Xem hình ảnh, trò chuyện về những con vật bé thích  - Nêu gương cuối ngày.  - Vệ sinh. Trả trẻ. | *Ngày 29/12/2021*  -Kể chuyện cho trẻ nghe: Anh em nhà Thỏ  - Nêu gương cuối ngày .  - Vệ sinh. Trả trẻ. | *Ngày 30/12/2021*  - Quan sát, trò chuyện về con Voi, con Thỏ  - Nêu gương cuối ngày.  - Vệ sinh. Trả trẻ. | *Ngày 1/1/2022*  - Tổng kết chủ đề. Cho trẻ xem, trò chuyện về các sản phẩm của chủ đề  - Nêu gương cuối tuần  - Vệ sinh. Trả trẻ. |  |

**V. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHƠI TẬP THEO Ý THÍCH BUỔI SÁNG CHI TIẾT:**

| **Khu vực chơi** | **Mục đích - yêu cầu** | **Nội dung chơi** | **Chuẩn bị** | **Phân phối vào nhánh** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **N1** | **N2** | **N3** | **N4** |
| **1.Thao tác vai** | **\* Nấu ăn**  **-** Trẻ biết bắt chước các thao tácchơi với đồ chơi: cầm đũa, thìa, bật bếp, nấu ăn…  - Trẻ có kỹ năng bắt chước sử dụng đồ dùng trong góc chơi đúng, trẻ có một số kỹ năng khi chế biến các món ăn đơn giản có sự giúp đỡ của cô  - Trẻ chơi vui vẻ, hứng thú | - Thực hiện thao tác tự phục vụ trong ăn uống.  - Lấy thực phẩm, chế biến một số món ăn đơn giản: nấu bột, nấu cháo… | - Đồ chơi, đồ dùng nấu ăn: Tạp dề, bếp ga, chảo, nồi, bát, đũa...  - Một số thực phẩm  - Các nguyên liệu chế biến món ăn: tốm, cua, cá, thịt....  - Các loại rau, củ quả | x | x | x | x |
| **\* Bế em**  **-** Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơibế em  - Trẻ có kỹ năng bắt chước khi chơi bế em  - Trẻ chơi vui vẻ, hứng thú, yêu quý và chăm sóc em | - Thực hiện thao tác bế em  - Xúc bột cho em ăn  - Lau mặt, ru em ngủ  - Chải tóc cho búp bê….  - Cho búp bê uống nước  ***\* Dự kiến tình huống:*** 1trẻ chơi bế em chưa đúng cách (cầm búp bê bằng 1 tay, cầm chân búp bê, để búp bê xuống sàn,…)  ***\* Dự kiến xử lí tình huống:*** Cô lại gần trẻ, hỏi trẻ con đang chơi gì đấy?Con bế em như vậy đã đúng chưa? Cô bế búp bê lên cho trẻ xem và hướng dẫn trẻ cách bế em, khi em buồn ngủ thì con đặt e lên giường ngủ, đừng để em dưới sàn. | - Búp bê, giường búp bê, khăn rửa mặt nhỏ,…..  - Nồi bát, thìa, ca…. | x | x | x |  |
| **\*Bán hàng**  - Trẻ biết tên một số mặt hàng nổi bật của cửa hàng: tên con giống, thức ăn con vật, tên một số thực phẩm, rau củ...  - Trẻ có thao tác bày hàng, đưa hàng cho khách  - Trẻ hứng thú với vai chơi của mình | Bán hàng : Bán đồ dùng đồ chơi chủ đề như: Trứng, gà, vịt, thức ăn cho con vật nuôi,  Sắp xếp,bày hàng ra bán  Chào mời khách, lấy và đưa đúng hàng cho khách | - Các loại con giống: gà, vịt, chó, mèo, lợn,tôm, cua, cá  - Thức ăn con vật (cám, thóc, gạo...)  - Các loại thực phẩm: trứng, thịt, tôm, cua, cá....  - Các loại rau củ quả | x | x | x | x |
| **2. Hoạt động với đồ vật, đồ chơi** | - Trẻ biết về đúng góc chơi, thực hiện đúng các thao tácchơi với đồ chơi, biết tên gọi, đặc điểm nổi bật, phân loại các con vật theo môi trường sống; NBPB màu sắc, kích thước to nhỏ…  - Trẻ có kĩ năng xếp chồng, xếp cạnh; chắp ghép, xoáy mở nắp chai, cài cúc…  - Trẻ chơi vui vẻ, chơi cạnh nhau, không tranh giành đồ chơi của bạn | Bé chơi xếp chồng, xếp cạnh chuồng nuôi con vật, xếp ao thả cá, xếp chuồng bách thú | - Gạch, thảm cỏ, cây xanh, hàng rào, cây hoa, lắp ghép…  - Đồ chơi xâu vòng con vật, cắp hạt bỏ giỏ, gắp trứng…  - Lô tô con vật  - Bảng cài, cởi cúc con vật  - Bộ chai có gắn các con vật theo màu  - Hình ảnh các con vật to nhỏ khác nhau | x | x | x | x |
| Chắp ghép hình vào bóng con vật sống trong gia đình, con vật dưới nước, con vật trong rừng | x | x | x | x |
| Xâu vòng con vật | x | x | x | x |
| Chơi: Cắp hạt bỏ giỏ | x | x | x | x |
| Phân loại con vật theo môi trường sống, kích thước to- nhỏ, màu sắc | x | x | x | x |
| Cài, cởi cúc các con vật thành bức tranh con vật trong gia đình, con vật dưới nước, con vật trong rừng | x | x | x | x |
| Xoáy mở nắp chai gắn các con vật theo màu | x | x | x | x |
| Gắp trứng đúng màu | x |  |  | x |
| **3. Nghệ thuật** | - Trẻ biết về góc chơi, tháo tác với đồ dùng đồ chơi  - Trẻ có các kĩ năng chơi tại góc chơi: cầm bút di màu, nặn, lật mở trang sách, kể lại đoạn truyện…  - Trẻ tham gia chơi hứng thú | Di màu, dán trang trí tranh rỗng một số con vật gần gũi trong gia đình, con vật sống dưới nước, con vật sống trong rừng | - Tranh rỗng một số con vật gần gũi trong gia đình, con vật sống dưới nước, con vật sống trong rừng: Con gà, con lợn, con chó, con mèo, con cua,con cá, con voi….  - Sáp màu, giấy vụn, xốp vụn. Bảng, đất nặn, khăn lau tay, keo dán…  - Tranh ảnh các con vật, album tranh về các con vật bé yêu  - Sa bàn rối câu chuyện: Quả trứng; Thỏ con không vâng lời | x | x | x | x |
| Nặn thức ăn cho gà, vịt (nặn con giun); thức ăn cho cá | x |  | x |  |
| Xem tranh, ảnh các con vật | x | x | x | x |
| Kể lại đoạn tryện: Quả trứng |  | x |  |  |
| Kể lại đoạn tryện: Thỏ con không vâng lời |  |  |  | x |
| Âm nhạc: hát bài hát trong chủ đề | x | x | x | x |
| **4. Vận động** | - Trẻ biết chơi các trò chơi vận động và trò chơi dân gian tại góc chơi. Thông qua mỗi trò chơi vận động củng cố các kỹ năng vận động cho trẻ  - Khéo léo vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay  - Trẻ hứng thú, tích cực khi chơi | TCDG: Chi chi chành chành, dung dăng dung dẻ, nu na nu nống, lộn cầu vồng | - Cổng chui  - Bóng, gôn  - Giấy các loại: giấy màu, giấy báo… | x | x | x | x |
| Bò chui qua cổng |  | x |  |  |
| Tung bóng bằng 2 tay |  |  | x |  |
| Chơi vo giấy làm quả trứng | x |  |  | x |
| Thả bóng, đập bóng, lăn bóng vào gôn | x | x | x | x |
|  |  | ***\* Dự kiến tình huống:*** 1 trẻ (tên trẻ) tăng động, tranh giành đồ chơi của bạn trong khi chơi, trẻ còn đánh bạn khiến bạn khóc  ***\* Dự kiến xử lí tình huống:*** Cô nhanh đến bên trẻ xem trẻ bị đánh vào đâu, xoa cho trẻ bớt đau và dỗ dành trẻ không khóc. Sau đó cô đến bên trẻ tăng động, yêu cầu trẻ xin lỗi bạn. Cô động viên trẻ chơi không được tranh giành đồ chơi của nhau, phải chơi đoàn kết. Giờ trả trẻ, cô trao đổi với phụ huynh về tình hình của con ở lớp để phụ huynh nắm bắt được và quan tâm tới con nhiều hơn. |  |  |  |  |  |

**VI. GIÁO ÁN HOẠT ĐỘNG CHƠI – TẬP CÓ CHỦ ĐỊNH NHÁNH 1: Gia đình gà, vịt**

***Ghi chú:*** *Dấu “🟉” trong giáo án dành cho trẻ tăng động.*

***Thứ hai ngày 6 tháng 12 năm 2021***

|  |
| --- |
| **Đề tài: - KNCH: Con gà trống**  **- TCÂN: Gà gáy- vịt kêu**  **- Nghe hát: Gà gáy le te**  ***Lĩnh vực: Phát triển Tình cảm kĩ năng xã hội & thẩm mĩ***  **I. Mục đích – yêu cầu**  - Trẻ nhớ tên và thuộc lời bài hát, biết tên tác giả và biết hát cùng cô từ đầu đến hết bài hát.  - Trẻ hát to, rõ lời và hát đúng giai điệu bài hát ; Phát triển tai nghe cho trẻ.  - Trẻ hứng thú, tích cực tham gia hoạt động. Giáo dục trẻ yêu quý, chăm sóc con vật nuôi.  **II. Chuẩn bị** - Đàn ghi nhạc bài hát: Con gà trống, gà gáy le te  - Âm thanh tiếng kêu con gà, con vịt, máy tính, loa..  **III. Tiến hành**  **HĐ1. *Trò chơi âm nhạc: Gà gáy- vịt kêu***  - Cô giới thiệu tên trò chơi: Gà gáy- vịt kêu  - Cô hướng dẫn cách chơi: Cho trẻ nghe âm thanh tiếng kêu của con gà, con vịt; trẻ chú ý lắng nghe và đoán xem đó là tiếng kêu của con gì và bắt chước lại cho thật giống tiếng kêu của con vật đó.  + Trẻ nghe tiếng kêu con vịt ->Trẻ đoán tên con vịt, bắt chước tiếng vịt kêu “ cạp, cạp, cạp”  + Trẻ nghe tiếng gà gáy -> Trẻ đoán được tiếng gà trống gáy, làm vận động gà vỗ cánh, cất vang tiếng gáy “ò ó o o....”  **HĐ2. Dạy *KNCH: "Con gà trống"***  - Cô dẫn dắt, giới thiệu bài hát: “Con gà trống” của tác giả Tân Huyền  - Lần 1: Cô hát nhẹ nhàng, tình cảm với nhạc để trẻ cảm nhận giai điệu bài hát  - Cô nói nội dung : Bài hát “Con gà trống” nói về một chú gà trống có cái mào màu đỏ rất đẹp, chân thì có cựa, gà trống gáy “ò ó o” để gọi mọi người thức dậy vào mỗi buổi sáng sớm. Vì vậy các con phải yêu quí, chăm sóc chú gà trống.  - Lần 2: Cô hát không có nhạc để trẻ nghe rõ lời bài hát  - Cô bắt nhịp, c¶ lớp hát theo cô 2-3 lần không đàn  - Cho cả lớp hát 2 - 3 lần có đàn  - Cho trẻ thi đua hát theo tổ, nhóm, cá nhân.  - Cô chú ý sửa sai, động viên, khích lệ trẻ hát to, hát rõ lời  *\* Dự kiến tình huống:* 3-4 trẻ chưa hát được từ đầu đến hết bài hát, trẻ còn hát chưa đúng giai điệu bài hát  *\* Dự kiến xử lí* *tình huống*: Trẻ hát cùng cô, cho trẻ hát theo cô không nhạc; sau đó động viên trẻ, chú ý nghe nhạc để hát được đúng theo giai điệu bài hát, hoặc cô gọi một bạn hát tốt lên hát cùng các bạn để trẻ thi đua nhau.  - Hỏi lại trẻ tên bài hát, tên tác giả. Cô cho cả lớp hát lại bài hát  **HĐ3. *Nghe hát : Gà gáy le te***  ***-*** Cô giới thiệu bài hát : Bây giờ cô sẽ thưởng cho chúng mình nghe bài hát “Gà gáy le te” dân ca Cống khao  - Cô hát cho trẻ nghe lần 1  - Cô nói nội dung: Bài hát “ Gà gáy le te” dân ca Cống khao nói về tiếng gáy của chú gà trống. Trên những bản làng các chú gà trống gáy vang xa, đánh thức mọi người mau dậy sớm để đi làm.  - Hát lần 2 cho trẻ hưởng ứng cùng cô.  *\* Dự kiến tình huống*: 1-2 trẻ nhút nhát, chưa tích cực hưởng ứng cùng cô và các bạn  *\* Dự kiến xử lí tình huống:* Cô đến gần trẻ đó, nắm lấy tay trẻ cho trẻ đứng dậy biểu diễn cùng cô và các bạn  **IV. Dự kiến đánh giá trẻ hàng ngày:**  ***1.Về tình trạng sức khỏe của trẻ:***  - Trẻ đi học khỏe mạnh:.....trẻ (.......%)  - Trẻ ăn ngon miệng, ăn hết suất:.....  - Một số trẻ cần lưu ý về sức khỏe:........  ***2.Về trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ:***  - Trẻ đi học ngoan, không quấy khóc:........  - Trẻ biết lễ phép chào hỏi, vui vẻ khi đến lớp:.....  - Trẻ hứng thú, tích cực tham gia vào các hoạt động:......  ***3.Về kiến thức, kỹ năng của trẻ:***  - Trẻ thuộc lời bài hát, hát to, hát đúng giai điệu bài hát (.....% trẻ)  - Trẻ có kỹ năng chơi tại các góc chơi, đã nhận biết được tên gọi của một số con vật nuôi như gà, vịt ….(.....% trẻ)  - Trẻ còn nhút nhát, chưa tích cực hoạt động (tên trẻ) |

***Thứ ba ngày 7 tháng 12 năm 2021***

|  |
| --- |
| **Đề tài: NBTN: Con gà trống**  **Lĩnh vực: *Phát triển ngôn ngữ***  **I. Mục đích – yêu cầu:**  - Trẻ nhận biết và nói được tên gọi, một số đặc điểm nổi bật của con gà trống  - Rèn cho trẻ nói to rõ từ, nói đủ câu, nói được câu có nhiều từ 5-7 tiếng (Con gà trống, gà trống có mào đỏ, con gà có hai chân, con gà trống gáy ò ó o...)  - Trẻ hứng thú, tích cực tham gia hoạt động. Giáo dục trẻ yêu quý, chăm sóc con vật nuôi  **II. Chuẩn bị:**  - Nhạc bài hát: Con gà trống. Lồng gà, con gà trống thật; que chỉ  - Mô hình chuồng gà. Rổ đồ dùng: Lô tô con vật (gà trống, gà mái, gà con, vịt...)  **III. Tiến hành**  **HĐ1: Ổn định tổ chức**  - Cô và trẻ cùng hát bài hát: Con gà trống. Hỏi trẻ bài hát nói về con gì? Gà trống gáy như thế nào?  - Cô cho trẻ chơi trò chơi bắt chước tạo dáng các động tác của con gà trống (Gà vẫy cánh, Gà mổ thóc, Gà gáy)  **HĐ2: Nhận biết tập nói: Con gà trống**  - Chúng mình cùng cất tiếng gáy thật to để gọi chú gà trống đến chơi với chúng mình nào.  - Cho trẻ quan sát và trò chuyện về con gà trống( cô dành thời gian cho trẻ quan sát)  + Đây là con gì? ( Cô hỏi nhiều trẻ và cho trẻ nói nhiều lần từ "Con gà trống")  + Cô chỉ vào đầu gà hỏi trẻ: Cái gì đây? (Cô cho trẻ nói "Đầu của con gà trống")  + Cô chỉ vào mào gà và hỏi trẻ: Trên đầu gà trống có gì? (Mào gà) Mào gà trống có màu gì? (Gà trống có mào đỏ)  + Cô cho gà ăn thóc và hỏi trẻ: Gà đang làm gì nhỉ?  + Gà mổ thóc bằng gì? Cô cho trẻ chỉ và nói “Gà mổ thóc bằng mỏ”  + Cô cho trẻ làm động tác gà mổ thóc “Tốc, tốc...”, gà vẫy cánh  + Cánh gà đâu? Thân gà đâu ( Trẻ chỉ vào từng bộ phận nói: cánh gà, thân gà”  + Cho trẻ quan sát kĩ xem gà đang làm và hỏi trẻ: Gà đi bằng gì?  + Thế chân gà đâu? Con gà có mấy chân? (cho trẻ nói nhiều lần: con gà trống có hai chân)  + Cô đố trẻ gà trống gáy như nào? (Cho trẻ nói: Con gà trống gáy ò ó o) Cho trẻ lại gần cô làm gà gáy ò ó o o  -> Cô củng cố lại và giáo dục trẻ yêu quý, chăm sóc con vật nuôi  *\* Dự kiến tình huống*: Có một số trẻ ngôn ngữ hạn chế, có trẻ chưa biết nói, có trẻ chưa nói được nhiều từ  *\* Dự kiến xử lí tình huống*: Cô đặc biệt quan tâm đến trẻ, gọi trẻ nói nhiều lần, nói theo cô các từ như: con gà trống, gà trống có mào đỏ,… Cô khuyến khích động viên trẻ nói cùng cô. Xây dựng kế hoạch ôn luyện vào các buổi chiều để rèn ngôn ngữ cho trẻ  **HĐ3: Trò chơi củng cố**  ***\* TC1: Ai nhanh nhất***  - Thưởng cho trẻ rổ đồ chơi (lô tô một số con vật: gà trống, gà mái, gà con, vịt...). Hỏi trẻ trong rổ có gì?  - Cho trẻ tìm con vật và nói đúng tên con vật theo yêu cầu:  + Tìm con gà trống->Trẻ nhặt và nói: Con gà trống đây  + Tìm con vật gáy ò ó o -> Trẻ nhặt gà trống nói: con gà trống gáy ò ó o  + Tìm con vật có cái mào đỏ -> Trẻ nhặt đúng gà trống nói: Con gà trống có mào đỏ  ***\* TC2: Tìm chuồng cho gà***  - Cô giới thiệu trò chơi và hướng dẫn cách chơi: Chuồng gà có gắn hình ảnh chú gà trống. Trẻ chọn lô tô con gà trống và cho gà về đúng chuồng rồi nói “Tạm biệt gà trống”. Thời gian là một bản nhạc  - Cho trẻ chơi. Cô và trẻ cùng kiểm tra  **IV. Dự kiến đánh giá trẻ hàng ngày:**  ***1.Về tình trạng sức khỏe của trẻ:***  - Trẻ đi học khỏe mạnh:.....trẻ (.......%)  - Trẻ ăn ngon miệng, ăn hết suất:.....  - Trẻ yếu người, lười ăn:......  ***2.Về trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ:***  - Trẻ đi học ngoan, lễ phép chào hỏi và biết tự lấy, cất đồ dùng cá nhân:.....  - Trẻ hứng thú, có nề nếp tham gia vào các hoạt động:......  ***3.Về kiến thức, kỹ năng của trẻ:***  - Trẻ nhận biết, nói được tên gọi một số đặc điểm nổi bật của con gà trống (.....% trẻ)  - Trẻ nói đủ câu, nói được câu có nhiều từ:…..  - Trẻ biết tên các góc chơi, về đúng góc chơi:….  - Ngôn ngữ trẻ hạn chế (tên trẻ) |

***Thứ tư ngày 8 tháng 12 năm 2021***

|  |
| --- |
| **Đề tài: Xếp chuồng nuôi con vật ( Xếp cạnh 6-8 khối)**  **Lĩnh vực: *Phát triển thể chất***  **I. Mục đích – yêu cầu:**  - Trẻ biết dùng 6-8 khối hộp xếp thành chuồng cho con vật nuôi  - Rèn kĩ năng xếp cạnh cho trẻ, trẻ khéo léo thực hiện  - Trẻ hứng thú, tích cực tham gia hoạt động  *🟉* Trẻ tăng động: Trẻ tham gia vào các hoạt động trong giờ học  **II. Chuẩn bị:**  - Khối hộp màu xanh, màu đỏ đủ số lượng trẻ (mỗi trẻ 8 khối hộp)  - Mô hình trang trại chăn nuôi: gà, ngan, vịt, lợn… Nhạc bài: Chicken dance  **III. Hoạt động:**  **HĐ1: Khởi động cùng gà trống**  - Cô và trẻ cùng khởi động với đôi bàn tay: cho trẻ vận động các ngón tay, xoay cổ tay, nắm mở tay, vẫy tay, cuộn cổ tay... trên nền nhạc bài: Chicken dance  *🟉* Trẻ tham gia cùng các bạn *(Điều chỉnh đồng loạt)*  **HĐ2: Dạy trẻ xếp chuồng nuôi con vật**  - Cho trẻ tham quan trang trại chăn nuôi có gà, vịt, ngan, lợn.....  - Cho trẻ gọi tên các con vật đó  - Các con thấy các con vật này đã có chuồng riêng để ngủ chưa ? Chúng mình muốn giúp các con vật có chuồng để ngủ không?  - Muốn xếp được chuồng thì cần có gì? Các khối hộp màu gì đây?  - Cô gọi 1-2 trẻ lên xếp cho cả lớp quan sát. Cô nhận xét cách xếp của trẻ.  - Cô hướng dẫn trẻ xếp chuồng nuôi con vật:  + Cô xếp lần 1 cho trẻ quan sát  + Cô xếp lần 2 + phân tích: cô dùng các ngón tay của bàn tay để nhặt khối, tay cầm chắc khối hộp. Cô bắt đầu xếp: đặt ngang khối hộp thứ nhất xuống sàn, cô tiếp tục lấy khối hộp thứ 2 đặt ngang sát cạnh khối hộp thứ nhất, cô lại lấy khối hộp thứ 3 đặt dọc sát cạnh khối hộp thứ 2 ....; cứ như vậy cô xếp các khối sát cạnh nhau sao cho hết để tạo thành chuồng cho con vật nuôi. Chúng mình nhớ khối cuối cùng xếp sát cạnh khối đầu tiên để tạo thành chiếc chuồng được kín nhé.  - Cô vừa xếp được gì đây? Xếp chuồng cho con vật bằng gì?  - Cô xếp như thế nào? (xếp cạnh nhau)  - Cho trẻ nhắc lại thao tác nhặt khối để xếp chuồng nuôi con vật  - Cho trẻ đứng dậy để lấy rổ đồ dùng về chỗ ngồi  - Trẻ thực hiện xếp chuồng nuôi con vật  - Cô bao quát, động viên trẻ  *🟉* Cô hướng dẫn, động viên trẻ xếp chuồng nuôi cho con vật có sự giúp đỡ của cô *(Điều chỉnh cá nhân).*  *\* Dự kiến tình huống*: 1-2 trẻ không xếp sát cạnh tạo thành chuồng kín  *\* Dự kiến xử lí tình huống*: Cô lại gần trẻ đó hỏi trẻ: Con đang xếp gì? Con xếp chuồng nuôi đã được chưa? Nếu xếp như vậy thì các con vật sẽ như thế nào? –> Cô nhẹ nhàng hướng dẫn, giúp đỡ trẻ xếp lại chuồng nuôi con vật.  **HĐ3: Củng cố**  - Các con vừa làm được gì? Con xếp chuồng nuôi con vật bằng gì? Con xếp như thế nào?  - Cô nhận xét chung, khen trẻ  - Cho trẻ đến trang trại chăn nuôi chọn một con vật về thả vào chuồng mà trẻ vừa xếp được  *🟉* Trẻ tham gia cùng các bạn *(Điều chỉnh đồng loạt)*  **IV. Dự kiến đánh giá trẻ hàng ngày:**  ***1.Về tình trạng sức khỏe của trẻ:***  - Trẻ đi học khỏe mạnh:.....trẻ (.......%)  - Trẻ ăn ngon miệng, ngủ sâu giấc:.....  - Một số trẻ cần lưu ý về sức khỏe:........  ***2.Về trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ:***  - Trẻ có tâm thế thoải mái, vui vẻ khi đến lớp  - Trẻ vui chơi đoàn kết, không tranh giành đồ chơi:…..  - Trẻ mới đi học, còn quấy khóc:….  ***3.Về kiến thức, kỹ năng của trẻ:***  - Trẻ biết xếp chuồng nuôi con vật(.....% trẻ)  - Trẻ biết tên các góc chơi, có kĩ năng chơi tại các góc  - Trẻ còn nhút nhát, chưa tích cực hoạt động (tên trẻ) |

***Thứ năm ngày 9 tháng 12 năm 2021***

|  |
| --- |
| **Đề tài: Nặn con giun (M)**  **Lĩnh vực: *Phát triển tình cảm kĩ năng xã hội & thẩm mĩ***  **I. Mục đích – yêu cầu:**  - Trẻ biết nặn đất tạo thành con giun  - Rèn cho trẻ kĩ năng bóp đất, lăn dọc viên đất cho dài để tạo thành con giun  -Trẻ hứng thú, tích cực hoạt động, biết giữ gìn sản phẩm  **II. Chuẩn bị:**  - Mẫu nặn con giun  - Mô hình chuồng gà có các loại gà: gà trống, gà con…  - Đất nặn, bảng con, đĩa đựng sản phẩm, khăn lau tay  - Nhạc bài hát: Con gà trống  **III. Tiến hành**  **HĐ1: Quan sát- đàm thoại**  - Cho trẻ lại gần cô  - Cô cho trẻ quan sát mô hình chuồng gà  - Hỏi trẻ trong chuồng có những con gì? Đố trẻ con gà thích ăn gì?  - Các con nhìn xem con gì đây?  - Cho trẻ quan sát mẫu con giun và trò chuyện:  + Con giun trông như thế nào?  + Cô nặn như thế nào để được con giun này?  - Cô làm mẫu và phân tích, hướng dẫn trẻ cáchnặn con giun: Cô lấy viên đất lên bóp đất cho thật mềm, đặt đất xuống giữa bảng, tay trái cô giữ bảng, lòng bàn tay phải lăn dọc viên đất cho viên đất dài ra để tạo thành con giun  - Cô hỏi ý tưởng trẻ: Con sẽ nặn gì? Tặng cho ai? Con nặn con giun như thế nào?  - Cô cho trẻ làm mô phỏng bằng tay không  - Giáo dục trẻ: Những con giun sau khi nặn xong chúng ta phải biết giữ gìn những món quà tặng cho các chú gà  **HĐ2 : Trẻ thực hiện**  - Cô cho trẻ nhận đồ dùng về nhóm ngồi thực hiện  - Trẻ thực hiện. (Nhạc nền bài " Con gà trống")  - Cô bao quát, khuyến khích động viên trẻ.  **HĐ3: Trưng bày sản phẩm**  - Cô cho trẻ mang sản phẩm lên tặng các chú gà  - Con vừa nặn được con gì?  - Con nặn con giun như thế nào  - Trẻ nhận xét bài bạn- bài mình  - Cô nhận xét chung, khen trẻ.  - Cho trẻ chơi trò chơi: Gà đi kiếm mồi  **IV. Dự kiến đánh giá trẻ hàng ngày:**  ***1.Về tình trạng sức khỏe của trẻ:***  - Trẻ đi học khỏe mạnh:.....trẻ (.......%)  - Trẻ ăn ngon miệng, ngủ sâu giấc:.....  - Một số trẻ cần lưu ý về sức khỏe:........  ***2.Về trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ:***  - Trẻ vui vẻ, thích đi học:.....  - Trẻ hứng thú, tích cực tham gia vào các hoạt động trong ngày:......  - Trẻ còn tranh giành đồ chơi của nhau (tên trẻ)  ***3.Về kiến thức, kỹ năng của trẻ:***  - Trẻ biết nặn con giun(.....% trẻ)  - Trẻ về đúng góc chơi, có kĩ năng chơi tại góc chơi  - Kĩ năng bóp đất, lăn dài để nặn con giun của 1 số trẻ hạn chế (tên trẻ) |

***Thứ sáu ngày 10 tháng 12 năm 2021***

|  |
| --- |
| **Đề tài: Nhận biết phân biệt “ Con gà trống - con vịt”**  **Lĩnh vực: *Phát triển nhận thức***  **I. Mục đích - yêu cầu:**  - Trẻ biết tên gọi, biết phân biệt một số đặc điểm nổi bật của con gà trống, con vịt  - Rèn kỹ năng quan sát, ghi nhớ có chủ định cho trẻ  - Trẻ hứng thú, tích cực tham gia các hoạt động  **II. Chuẩn bị:**  - Mô hình con gà trống, con vịt  - Mô hình chuồng gà, chuồng vịt  - Một số đồ chơi con vật: con gà trống, gà mái, con vịt, con lợn…  **III. Tiến hành**  **HĐ1: Ổn định tổ chức**  - Cho trẻ chơi trò chơi: Bắt chước tạo dáng con vật  + Trẻ cùng cô làm vận động gà vẫy cánh, gà gáy ò ó o…  + Trẻ cùng làm vận động vịt bơi và kêu cạp cạp…  - Các con vừa làm động tác của con gì?  - Chúng mình rất giỏi, vậy giờ chúng mình đón xem cô có phần thưởng gì cho các con nhé. Mời trẻ về chỗ ngồi  **HĐ2 : Nhận biết phân biệt: Con gà trống - con vịt**  \* Quan sát, trò chuyện về con gà  - Cô hát đố: Mời bạn ơi ra đây ta cùng chơi đố ( Đố gì)? Đố xem con gì xuất hiện  - Cô dành thời gian cho trẻ quan sát con gà trống  - Hỏi trẻ: Đây là con gì? ( Con gà trống)  - Trò chuyện với trẻ về đặc điểm nổi bật của con gà: Đầu, mình gà, chân gà  - Đầu gà đâu? Trên đầu con gà có gì đây?(mỏ, mào), mào gà màu gì? (mào đỏ)  - Hỏi trẻ về mình gà, cánh gà  - Con gà đi bằng gì?  - Gà có mấy chân? Chân gà đâu?  - Cho trẻ làm động tác gà bới đất tìm giun  - Đố trẻ gà trống gáy như thế nào -> Cho trẻ làm gà gáy ò ó o  => Cô củng cố lại cho trẻ về con gà  - Cho trẻ làm các chú gà đi kiếm mồi. trên đường đi gặp bạn vịt  \* Quan sát trò chuyện về con vịt: Tương tự như trò chuyện về con gà, gợi ý cho trẻ quan sát tên gọi, đặc điểm nổi bật của con vịt  \* Phân biệt con gà, con vịt  - Cho trẻ chơi trò chơi: Gà gáy vịt kêu: Cô nói tên con gà thì trẻ làm gà gáy" ò ó ", cô nói con vịt thì trẻ làm vịt kêu "cạp cạp…"  - Cô nói cho trẻ biết Con gà và con vịt được nuôi ở trong gia đình, đều là con vật có 2 chân và thích ăn thóc  - Các con thấy gà trống và vịt có gì khác nhau?  + Con gà trống có mỏ nhọn, mào đỏ, không biết bơi  + Con vịt chân có màng, biết bơi  - Cô củng cố lại và khen trẻ  **HĐ3: Củng cố**  ***\* TC1: Ai nhanh nhất***  - Thưởng cho trẻ rổ đồ dùng (các con vật đồ chơi)  - Cô nói tên con vật, trẻ tìm đúng và giơ lên đọc lại tên  - Cô nói đặc điểm con vật, trẻ nói tên và giơ con vật đó lên  + Tìm con có tiếng gáy-> Trẻ nhặt con gà trống  + Tìm con kêu cạp cạp -> Trẻ nhặt đúng con vịt  + Tìm con có cái mào đỏ-> Trẻ nhặt đúng gà trống  + Tìm con chân có màng, biết bơi ->Trẻ nhặt con vịt  **\* TC2: Tìm chuồng cho gà, vịt**  - Cô giới thiệu trò chơi, hướng dẫn cách chơi: cô chuẩn bị 2 chuồng có gắn hình ảnh con gà (con vịt). Cô thưởng cho mỗi trẻ chọn một con vật (con gà hoặc con vịt ) mà trẻ thích; trẻ có con vật nào thì tìm về đúng chuồng nuôi của con vật đó (chuồng gà, chuồng vịt) rồi thả con vật vào chuồng.  - Cho trẻ chơi. Cô và trẻ cùng kiểm tra  *\* Dự kiến tình huống:*Một vài trẻ chưa tìm đúng chuồng nuôi cho con gà, con vịt  *\* Dự kiến xử lí tình huống:*Cô cho trẻ kiểm tra lại, hỏi trẻ con đang có con gì? Theo con, con gà (con vịt) thì thả vào chuồng nào? Con gà (vịt) thả vào chuồng vịt (gà) có đúng không? Cho trẻ tìm lại chuồng cho gà (vịt) và thả con vật đó vào đúng chuồng nuôi. Cô nhận xét, khen trẻ.  **IV. Dự kiến đánh giá trẻ hàng ngày:**  ***1.Về tình trạng sức khỏe của trẻ:***  - Trẻ đi học khỏe mạnh:.....trẻ (.......%)  - Trẻ ăn ngon miệng, ăn hết suất:.....  - Một số trẻ ăn chậm, ăn còn rơi vãi (tên trẻ)  ***2.Về trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ:***  - Trẻ biết lễ phép chào hỏi, vui vẻ khi đến lớp:.....  - Trẻ hứng thú, tích cực tham gia vào các hoạt động:......  - Trẻ còn quấy khóc, chưa tích cực hoạt động (tên trẻ)  ***3.Về kiến thức, kỹ năng của trẻ:***  - Trẻ nhận biết, phân biệt được con gà trống, con vịt qua một số đặc điểm nổi bật (.....% trẻ)  - Trẻ có kĩ năng chơi tại góc chơi.  - Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định.  - Trẻ còn nhút nhát, chưa tích cực hoạt động (tên trẻ) |